

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026

ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG
SƠN HÀ**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của người đại diện theo pháp luật	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5 - 8
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	9
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	10 - 11
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	12 - 34



THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101809894, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 4 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng, kinh doanh xe máy điện và bán điện mặt trời áp mái.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 6265 6566
- Fax : 024 3265 6568

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch
Ông Hoàng Mạnh Tân	Phó chủ tịch
Bà Lương Diệu Cẩm	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Đình Quý	Thành viên
Ông Trần Ngọc Hùng	Thành viên
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên

Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên
Ông Trần Văn Thi	Thành viên

Ban Điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Ngọc Hùng	Giám đốc
Bà Trịnh Thị Kim Anh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Ngọc Hùng – Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật



Trần Ngọc Hùng

Ngày 25 tháng 8 năm 2026

Số: 2.0578/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SON HÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi - Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		310.677.250.038	281.773.726.084
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.693.250.525	2.198.213.082
1. Tiền	111		1.693.250.525	2.198.213.082
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.472.294.022	11.360.550.727
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	11.472.294.022	11.360.550.727
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		218.969.782.333	208.800.844.940
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	220.863.809.709	210.039.502.965
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.198.070.594	4.888.939.945
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	1.110.782.500	1.105.282.500
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(7.202.880.470)	(7.232.880.470)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	76.676.996.872	59.263.271.027
1. Hàng tồn kho	141		80.183.858.501	62.770.132.656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(3.506.861.629)	(3.506.861.629)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.864.926.286	150.846.308
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		192.630.571	150.846.308
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		1.672.295.715	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		522.281.034.402	21.607.859.563
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.258.640.122	21.126.541.072
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	20.258.640.122	21.126.541.072
- Nguyên giá	222		39.498.419.227	39.406.774.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.239.779.105)	(18.280.233.491)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		159.181.000	159.181.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(159.181.000)	(159.181.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230			
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		501.608.750.105	
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	501.608.750.105	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		413.644.175	481.318.491
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		413.644.175	481.318.491
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		832.958.284.440	303.381.585.647

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		158.830.605.535	140.540.025.082
I. Nợ ngắn hạn	310		157.190.900.458	138.160.320.005
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	36.738.742.906	43.356.738.430
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	22.913.735.406	464.004.578
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.11	2.563.100.923	2.561.403.149
5. Phải trả người lao động	315		884.757.024	1.482.247.378
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.12	114.981.251	366.558.363
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.13	304.484.474	342.356.253
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.14a	91.824.850.287	87.740.763.667
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.15a	329.908.941	329.908.941
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.516.339.246	1.516.339.246
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.639.705.077	2.379.705.077
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.14b	725.000.000	1.465.000.000
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343	V.15b	914.705.077	914.705.077
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		674.127.678.905	162.841.560.565
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	650.039.190.000	149.531.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		650.039.190.000	149.531.560.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		1.101.120.105	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.987.368.800	13.310.000.565
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		13.136.000.565	13.310.000.565
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		9.851.368.235	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		832.958.284.440	303.381.585.647

Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Trần Thị Thùy Liên

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Anh

Người đại diện theo pháp luật



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	126.942.284.283	200.790.965.081
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	124.463.720	3.385.454.433
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		126.817.820.563	197.405.510.648
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	113.766.836.041	185.246.204.602
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.050.984.522	12.159.306.046
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	6.868.595.686	2.823.208.542
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	3.630.996.113	2.477.929.836
Trong đó: chi phí đi vay	24		3.558.444.933	2.438.842.307
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	1.065.377.883	892.188.790
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	2.829.289.839	4.198.764.443
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.393.916.373	7.413.631.519
12. Thu nhập khác	31		3.141.063	38.388.423
13. Chi phí khác	32		27.211.362	708.337.087
14. Lợi nhuận khác	40		(24.070.299)	(669.948.664)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.369.846.074	6.743.682.855
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	2.518.477.839	1.351.813.435
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>9.851.368.235</u>	<u>5.391.869.420</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Trần Thị Thùy Liên

Trịnh Thị Kim Anh

Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.369.846.074	6.743.682.855
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	959.545.614	1.004.399.653
- Các khoản dự phòng	03	VI.7	(30.000.000)	(10.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	1.359.551	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.4	(256.829.542)	(162.612.866)
- Chi phí đi vay	06	VI.5	3.558.444.933	2.438.842.307
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.602.366.630	10.014.311.949
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.811.233.108)	(45.411.456.162)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.413.725.845)	7.660.744.994
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		14.136.586.813	21.167.145.850
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		25.890.053	243.914.962
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(3.552.482.045)	(2.435.420.411)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(1.889.893.258)	(2.099.656.515)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(112.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.902.490.760)	(10.972.465.333)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(91.644.664)	(50.700.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.057.863.577)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		145.086.247	106.995.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		53.441.583	(1.991.568.493)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	99.410.057.446	75.194.545.502
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(96.065.970.826)	(63.908.081.161)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.344.086.620	11.286.464.341
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(504.962.557)	(1.677.569.485)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.198.213.082	3.956.588.389
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.693.250.525	2.279.018.904

Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Trần Thị Thùy Liên

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Anh

Người đại diện theo pháp luật



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng, kinh doanh xe máy điện và bán điện mặt trời áp mái.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, doanh thu thuần của Công ty giảm 35,76% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp tăng 7,33%, chủ yếu do doanh thu bán hàng thương mại giảm 47,40%, trong đó phần lớn là doanh thu từ các mặt hàng vật tư inox có tỷ suất lợi nhuận gộp thấp.

Ngoài ra, trong kỳ Công ty đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 149,53 tỷ VND lên 650,04 tỷ VND nhằm hoán đổi toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (xem Thuyết minh V.2b).

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty đầu tư vào 01 Công ty con là Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam có trụ sở hoạt động tại Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con là Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ góp vốn.

7. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 55 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 59 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán "SHE" theo Quyết định số 759/QĐ-SGDHN ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 01 năm 2019. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 65.003.919 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND") do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Tiền

Tiền của Công ty chỉ bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn, không bị hạn chế sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con tại cùng thời điểm. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền Công ty sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chủ yếu bao gồm dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Dự phòng bảo hành được lập cho các sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành trên cơ sở ước tính chi phí bảo hành dự kiến phát sinh.

Từ năm 2021 trở về trước, mức dự phòng bảo hành được xác định theo tỷ lệ 2% doanh thu đối với sản phẩm Thái Dương Năng và 9,69% doanh thu đối với sản phẩm RO, trên cơ sở dữ liệu thực tế về chi phí bảo hành trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021.

Từ năm 2022, Công ty không trích lập bổ sung dự phòng chi phí bảo hành do thực tế không phát sinh đáng kể các trường hợp sản phẩm, hàng hóa bị hư hỏng phải thực hiện bảo hành. Số dư dự phòng đã trích lập trong các năm trước được tiếp tục theo dõi để bù đắp các chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, hàng hóa đã bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ Công ty.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa. Công ty không phát sinh chi phí đi vay đủ điều kiện vốn hóa trong kỳ.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ, công ty con và các công ty con khác trong cùng tập đoàn.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban điều hành, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	148.223.323	264.970.944
Tiền gửi không kỳ hạn	1.545.027.202	1.933.242.138
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	523.615.095	891.921.905
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	967.874.550	946.198.225
Các ngân hàng khác	53.537.557	95.122.008
Cộng	1.693.250.525	2.198.213.082

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	11.234.113.247	-	11.184.025.247	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	6.178.488.000	-	6.128.400.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.055.625.247	-	5.055.625.247	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	238.180.775	-	176.525.480	-
Cộng	11.472.294.022	-	11.360.550.727	-

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 2,1% - 4,9%/năm. Các khoản tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại cùng ngân hàng (xem thuyết minh V.14).

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào Công ty con

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (lấy ý kiến bằng văn bản) số 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ/SHE ngày 11 tháng 11 năm 2025 và nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/2025/NQ-SHE ngày 17/11/2025, Công ty đã phát hành 50.050.763 cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ phần vốn tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam ("SSP") của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, với giá hoán đổi là 501.608.750.105 VND (10.022 VND/cổ phiếu), tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 500.507.630.000 VND. Ngày 24 tháng 2 năm 2026, Công ty đã ký hợp đồng hoán đổi phần vốn góp số 01/2026/HĐ/SHI-SHE với Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Ngày 03 tháng 3 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn thông báo nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty.

Mục đích của việc đầu tư vào SSP là giúp Công ty tăng trưởng quy mô vốn và tài sản, đồng thời mở rộng kinh doanh sang các mặt hàng ống inox (là thế mạnh của SSP).

SSP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106980045, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 9 năm 2015 và thay đổi lần thứ 18 ngày 10 tháng 4 năm 2026, với vốn điều lệ là 470.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ của SSP.

Giá trị có thể thu hồi

Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con

Trong kỳ, Công ty không phát sinh khoản dự phòng đầu tư góp vốn vào Công ty con.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con được trình bày tại thuyết minh số VII.1b.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	150.709.706.545	-	122.855.301.982	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà ^{(i),(ii)}	141.328.701.876	-	113.281.176.522	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	27.511.920	-	47.674.440	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	4.993.668.151	-	4.121.935.878	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	2.765.781.966	-	1.745.623.302	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	364.629.653	-	874.627.580	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	184.306.629	-	507.369.047	-
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung	477.350.996	-	1.185.607.132	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	567.755.354	-	1.091.288.081	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	70.154.103.164	(5.404.880.470)	87.184.200.983	(5.434.880.470)
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	18.567.784.666	-	29.305.595.316	-
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	31.126.806.837	-	10.857.374.251	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	12.293.922.709	-	22.693.922.709	-
Công ty Điện lực Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Trung ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	175.588.240	-
Các khách hàng khác	8.165.588.952	(5.404.880.470)	24.151.720.467	(5.434.880.470)
Cộng	220.863.809.709	(5.404.880.470)	210.039.502.965	(5.434.880.470)

⁽ⁱ⁾ Khoản phải thu Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà ("SHI"/Công ty mẹ) về việc cung cấp thành phẩm, hàng hóa. Theo Hợp đồng nguyên tắc với SHI, ngày đến hạn thanh toán được xác định trong vòng 12 ngày kể từ ngày kết thúc tháng nhập hàng (nếu trùng ngày nghỉ/lễ sẽ lùi sang ngày làm việc tiếp theo). Nếu SHI chậm thanh toán quá 3 ngày kể từ ngày đến hạn, SHI sẽ phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian vi phạm. Lãi suất áp dụng là lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng BIDV. Lãi suất áp dụng trong kỳ này là từ 8% - 12%/năm (cùng kỳ năm trước: 6,3%/năm).

⁽ⁱⁱ⁾ Quyền phải thu từ hợp đồng bán hàng của Công ty cho SHI và Hợp đồng mua bán điện số 66 ngày 11 tháng 12 năm 2020 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	726.000.000	726.000.000
Guangxi Quinbao International Trade Co.,Ltd	2.469.973.533	2.470.185.575
Shandong Xinhe Optothermal Co.,Ltd	312.097.440	786.821.988
Các nhà cung cấp khác	689.999.621	905.932.382
Cộng	4.198.070.594	4.888.939.945

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Tạm ứng	10.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	23.000.000	-	23.000.000	-
Ông Kiều Thanh Phong (*)	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Ông Nguyễn Văn Thảo (*)	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.782.500	-	10.282.500	-
Cộng	1.110.782.500	(1.072.000.000)	1.105.282.500	(1.072.000.000)

(*) Đây là khoản phải thu Ông Kiều Thanh Phong và Ông Nguyễn Văn Thảo liên quan đến số tiền đã chuyển cho các cá nhân này để mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng Toàn Mỹ theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tuy nhiên theo kết luận của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ngày 16 tháng 4 năm 2013, các cá nhân đều không có căn cứ chứng minh đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Toàn Mỹ và hợp đồng chuyển nhượng không được công nhận. Công ty đã trích lập dự phòng khó đòi đối với khoản này. Ngày 08/5/2026, đơn vị đã lập đơn khởi kiện yêu cầu các đối tượng hoàn trả số tiền đã chiếm dụng và gửi lên Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Thành phố Hà Nội thụ lý, xem xét.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Xe máy Xe điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng	4.285.142.584	(4.285.142.584)	4.315.142.584	(4.315.142.584)
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	1.845.737.886	(1.845.737.886)	1.845.737.886	(1.845.737.886)
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Cộng	7.202.880.470	(7.202.880.470)	7.232.880.470	(7.232.880.470)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.232.880.470	3.390.388.821
Hoàn nhập dự phòng (*)	(30.000.000)	(10.000.000)
Số cuối kỳ	7.202.880.470	3.380.388.821

(*) Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập một phần dự phòng của Công ty TNHH Xe máy Xe điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng do đã thu hồi được công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	47.663.446.607	(354.141.941)	46.995.269.542	(354.141.941)
Công cụ, dụng cụ	648.923.160	-	802.306.629	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	466.330.271	-	307.459.652	-
Sản phẩm	9.862.727.252	(3.152.719.688)	8.571.212.715	(3.152.719.688)
Hàng hóa	21.542.431.211	-	6.093.884.118	-
Cộng	80.183.858.501	(3.506.861.629)	62.770.132.656	(3.506.861.629)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.100.281.195	36.437.764.399	1.698.620.471	170.108.498	39.406.774.563
Mua trong kỳ	-	91.644.664	-	-	91.644.664
Số cuối kỳ	1.100.281.195	36.529.409.063	1.698.620.471	170.108.498	39.498.419.227
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.633.937.350	1.018.431.818	170.108.498	9.822.477.666
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	353.746.321	16.447.449.595	1.308.929.077	170.108.498	18.280.233.491
Khấu hao trong kỳ	55.014.060	862.019.760	42.511.794	-	959.545.614
Số cuối kỳ	408.760.381	17.309.469.355	1.351.440.871	170.108.498	19.239.779.105
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	746.534.874	19.990.314.804	389.691.394	-	21.126.541.072
Số cuối kỳ	691.520.814	19.219.939.708	347.179.600	-	20.258.640.122
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Dự án Điện Mặt trời áp mái tại Cảng Cá - Quảng Nam	10.127.932.727	(2.813.768.427)	7.314.164.300
Dự án Điện Mặt trời áp mái tại Khu công nghiệp Chu Lai - Quảng Nam	13.365.873.933	(3.713.341.629)	9.652.532.304
Các tài sản cố định hữu hình khác	16.004.612.567	(12.712.669.049)	3.291.943.518
Cộng	39.498.419.227	(19.239.779.105)	20.258.640.122

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 10.535.493.742 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	31.610.934.972	36.248.370.875
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	31.429.723.134	26.975.492.825
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	-	2.880.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	116.496.878	9.135.676.960
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	64.714.960	134.321.090
Phải trả các nhà cung cấp khác	5.127.807.934	7.108.367.555
Cộng	36.738.742.906	43.356.738.430

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Castrol Gogoro Mobility (*)	22.449.730.828	-
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Nghệ An	440.000.000	440.000.000
Các khách hàng khác	24.004.578	24.004.578
Cộng	22.913.735.406	464.004.578

(*) Là khoản ứng trước mua hàng hóa của Công ty Cổ phần Castrol Gogoro Mobility (CGM) theo hợp đồng ngày 13/3/2026. Giá trị hàng hóa được quy định theo đơn đặt hàng và hàng hóa được giao tại kho bên mua. Trong vòng 7 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ tạm ứng, bên mua sẽ tiến hành tạm ứng trước 100% cho bên bán. Công ty dự kiến hàng sẽ được giao trong quý III/2026.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	647.277.188	910.296.396	(1.557.573.584)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.078.325.706	(3.078.325.706)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.771.550.218	(3.771.550.218)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.889.893.255	2.518.477.839	(1.889.893.258)	2.518.477.836
Thuế thu nhập cá nhân	24.232.706	100.168.921	(79.778.540)	44.623.087
Thuế bảo vệ môi trường	-	1.775.000	(1.775.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.104.798	(3.104.798)	-
Cộng	2.561.403.149	10.383.698.878	(10.382.001.104)	2.563.100.923

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8-10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.369.846.074	6.743.682.855
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	222.543.120	15.384.322
- Các khoản điều chỉnh tăng	222.543.120	15.384.322

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
-	Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
	Thu nhập tính thuế	12.592.389.194	6.759.067.177
	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.518.477.839	1.351.813.435
Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.			
Các loại thuế khác			
Công ty kê khai và nộp theo quy định.			
12.	Chi phí phải trả khác		
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Chi phí lãi vay phải trả	114.981.251	109.018.363
	Chi phí phải trả khác	-	257.540.000
	Cộng	114.981.251	366.558.363
13.	Phải trả ngắn hạn khác		
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải trả các bên liên quan	39.074.196	30.908.188
	Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam – thu chi hộ	39.074.196	30.908.188
	Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	265.410.278	311.448.065
	Kinh phí công đoàn	223.978.210	260.959.485
	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	41.432.068	50.488.580
	Cộng	304.484.474	342.356.253
14.	Vay		
14a.	Vay ngắn hạn		
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay ngắn hạn ngân hàng^(*)	90.344.850.287	86.260.763.667
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	19.883.020.063	19.101.072.343
	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đống Đa	56.901.161.739	53.564.252.453
	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hà Nội	13.560.668.485	13.595.438.871
	Vay dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An) (Xem thuyết minh V.14b)	1.480.000.000	1.480.000.000
	Cộng	91.824.850.287	87.740.763.667

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Thông tin về các khoản vay Ngân hàng ngắn hạn như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	50 tỷ VND	12 tháng	7,2% - 8%	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; máy móc thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Đa	85 tỷ VND	12 tháng	8,5% - 9,6%	Quyền đòi nợ phát sinh từ các Hợp đồng nguyên tắc giữa bên thế chấp và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội	30 tỷ VND, trong đó hạn mức không có TSĐB 15 tỷ	12 tháng	10,3% - 11,3%	Cam kết trả nợ thay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	86.260.763.667	1.480.000.000	87.740.763.667
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	99.410.057.446	-	99.410.057.446
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	740.000.000	740.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(95.325.970.826)	(740.000.000)	(96.065.970.826)
Số cuối kỳ	90.344.850.287	1.480.000.000	91.824.850.287

14b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng ngày 12 tháng 10 năm 2020, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời công suất 998 kWp, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh một tháng một lần, tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền thu hồi công nợ bán điện từ hệ thống điện mặt trời mái nhà theo Hợp đồng mua bán điện số 66 ngày 11 tháng 12 năm 2020 ký với Tổng công ty Điện lực Miền Trung và máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời Chu Lai.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.480.000.000	1.480.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	725.000.000	1.465.000.000
Cộng	2.205.000.000	2.945.000.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.465.000.000	2.945.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(740.000.000)	(740.000.000)
Số cuối kỳ	725.000.000	2.205.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Dự phòng phải trả

15a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

15b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	867.486.577	867.486.577
Dự phòng trợ cấp thôi việc	47.218.500	47.218.500
Cộng	914.705.077	914.705.077

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	115.025.160.000	-	4.406.859.603	31.168.870.725	150.600.890.328
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	5.391.869.420	5.391.869.420
Trích lập các quỹ	-	-	-	(122.497.606)	(122.497.606)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(168.263.737)	(168.263.737)
Số dư cuối kỳ trước	115.025.160.000	-	4.406.859.603	36.269.978.802	155.701.998.405
Số dư đầu năm nay	149.531.560.000	-	-	13.310.000.565	162.841.560.565
Tăng vốn để hoán đổi phần vốn góp tại SSP	500.507.630.000	1.101.120.105	-	-	501.608.750.105
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	9.851.368.235	9.851.368.235
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(174.000.000)	(174.000.000)
Số dư cuối kỳ này	650.039.190.000	1.101.120.105	-	22.987.368.800	674.127.678.905

(i) Xem thuyết minh số V.2b.

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	575.837.270.000	75.329.640.000
Các cổ đông khác	74.201.920.000	74.201.920.000
Cộng	650.039.190.000	149.531.560.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	65.003.919	14.953.156
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	65.003.919	14.953.156
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	65.003.919	14.953.156
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/SHE ngày 31 tháng 3 năm 2026 như sau:

	VND
• Thù lao HĐQT, BKS	174.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

17a. Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê văn phòng nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.171.086.188	2.171.086.188
Trên 1 năm đến 5 năm	4.704.020.074	6.513.258.564
Cộng	6.875.106.262	8.684.344.752

17b. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (xem thuyết minh số V.2)	11.234.113.247	11.184.025.247	
Tiền gửi có kỳ hạn	6.178.488.000	6.128.400.000	Ngân hàng TMCP Quân đội
Tiền gửi có kỳ hạn	5.055.625.247	5.055.625.247	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Phải thu khách hàng (xem Thuyết minh số V.3)	141.328.701.876	113.456.764.762	
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	141.328.701.876	113.281.176.522	Ngân hàng TMCP Quân đội
Công ty Điện lực Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Trung	-	175.588.240	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.8)	10.535.493.742	10.941.233.464	
Máy đột dùng điện JT 30 - 15.5W	882.961.438	954.554.308	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Dự án Điện Mặt trời áp mái tại Khu công nghiệp Chu Lai, Quảng Nam	9.652.532.304	9.986.679.156	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Cộng	163.098.308.865	135.582.023.473	

Thời hạn thế chấp tài sản có hiệu lực đến thời điểm các nghĩa vụ bảo đảm đã được thực hiện xong và các bên hoàn tất thủ tục giải chấp, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm.

17c. Nợ khó đòi đã xử lý

Nợ khó đòi đã xử lý chỉ bao gồm khoản nợ quá hạn trên 3 năm của Ông Hoàng Trọng Thủy, đã được trích lập dự phòng 100% từ các năm trước. Công ty đã thu hồi được một phần công nợ và hoàn nhập dự phòng tương ứng; phần còn lại không có khả năng thu hồi, với số tiền 87.000.000 VND, đã được xóa sổ theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	75.276.064.767	143.108.610.821
Doanh thu bán thành phẩm	49.442.068.419	54.976.893.401
Doanh thu bán điện	1.881.752.120	2.054.969.448
Doanh thu cung cấp dịch vụ	342.398.977	650.491.411
Cộng	126.942.284.283	200.790.965.081

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan trong kỳ là 67.854.079.893 VND (Cùng kỳ năm trước: 69.616.271.913 VND).

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	32.000.000	1.029.647.911
Hàng bán bị trả lại	92.463.720	2.355.806.522
Cộng	124.463.720	3.385.454.433

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	74.912.459.619	140.268.458.624
Giá vốn của thành phẩm đã bán	37.985.758.057	44.025.746.862
Giá vốn điện	760.581.514	860.411.489
Giá vốn cung cấp dịch vụ	108.036.851	91.587.627
Cộng	113.766.836.041	185.246.204.602

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	833.366	1.180.847
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	256.829.542	154.288.502
Lãi chậm thanh toán theo hợp đồng (xem thuyết minh V.3)	6.603.559.052	2.652.557.836
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.373.726	15.181.357
Cộng	6.868.595.686	2.823.208.542

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.558.444.933	2.438.842.307
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	71.191.629	39.087.529
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.359.551	-
Cộng	3.630.996.113	2.477.929.836

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	317.220.397	26.648.274
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	168.433.940	271.917.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.511.794	42.511.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	336.591.752	44.526.285
Các chi phí khác	200.620.000	506.585.078
Cộng	1.065.377.883	892.188.790

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên (*)	1.251.187.013	2.481.886.041
Chi phí vật liệu quản lý	40.871.344	4.402.734
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.365.126	43.190.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.286.741	70.167.276
Thuế, phí và lệ phí	-	4.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(30.000.000)	(10.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.395.177.624	1.401.232.622
Các chi phí khác	117.401.991	203.885.762
Cộng	2.829.289.839	4.198.764.443

(*) Chi phí nhân viên kỳ này giảm so với kỳ trước do trong kỳ đơn vị giảm lương của Ban điều hành và số lượng nhân viên khối quản lý giảm.

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.203.100.572	37.480.082.427
Chi phí nhân công	5.096.852.426	6.215.086.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	959.545.614	1.004.399.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.528.842.849	3.399.155.933
Chi phí khác	1.411.087.839	2.085.228.932
Giá mua hàng hóa	74.912.459.619	140.268.458.624
Chênh lệch số dư cuối kỳ - đầu kỳ của hàng tồn kho (chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm)	(1.450.385.156)	(115.253.943)
Cộng	117.661.503.763	190.337.157.835

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc	50.088.000	-
Phát hành cổ phiếu tăng vốn để hoán đổi phần vốn góp tại SSP	501.608.750.105	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	300.000.000	9.000.000	309.000.000
Ông Trần Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	240.000.000	9.000.000	249.000.000
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	-	4.500.000	4.500.000
Ông Nguyễn Đình Quý	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Lương Diệu Cẩm	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Trịnh Thị Kim Anh	Kế toán trưởng	173.677.133	-	173.677.133
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Ông Trần Văn Thi	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Cộng		713.677.133	82.500.000	796.177.133
Kỳ trước				
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	777.542.900	9.000.000	786.542.900
Ông Trần Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	180.000.000	9.000.000	189.000.000
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Đình Quý	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Lương Diệu Cẩm	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Ông Đinh Đức Tuấn	Phó Giám đốc	288.108.450	-	288.108.450
Bà Trịnh Thị Kim Anh	Kế toán trưởng	163.193.360	-	163.193.360
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Ông Trần Văn Thi	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Cộng		1.408.844.710	87.000.000	1.495.844.710

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con (từ ngày 24/02/2026)
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ (Toàn Mỹ)	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sơn Hà Sài Gòn)	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.164.831.436	60.398.056.129
Chiết khấu thương mại	-	947.600.000
Hàng bán bị trả lại	22.485.646	46.533.502
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	32.597.802.545	72.619.300.761
Thuê nhà xưởng	1.135.274.600	1.383.712.088
Lãi chậm thanh toán theo hợp đồng	6.603.559.052	2.652.557.836
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.517.722	10.031.566
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	4.773.190.494	42.457.819.876
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	287.427.100	128.613.522
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	-	26.848.148
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.365.475.842	1.395.124.209
Chiết khấu thương mại	32.000.000	82.047.911
Hàng bán bị trả lại	1.002.600	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	25.333.334	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.797.222.850	854.593.020
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	208.188.043	210.000
Trả lại hàng mua	2.053.156	
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.685.799.400	1.284.187.300
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	475.931.005	196.992.625
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	39.219.255.369	13.598.856.678
Trả lại hàng mua	41.343.356	9.846.095

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.895.388.423	3.992.877.842
Hàng bán bị trả lại	9.082.600	10.837.700
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	62.750.000	61.299.630
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.020.076.115	1.245.859.300
Hàng bán bị trả lại	16.929.910	38.274.070
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	148.410.000	109.936.400
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	136.363.636	136.363.636

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.9 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh thiết bị năng lượng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định Công ty chỉ có 01 bộ phận theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý và không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3. Thông tin so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, Công ty áp dụng Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026. Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện điều chỉnh cách trình bày một khoản mục của kỳ trước để phản ánh phù hợp hơn bản chất của giao dịch.

Ảnh hưởng của việc áp dụng quy định của Thông tư 99 và điều chỉnh nêu trên đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	11.184.025.247	176.525.480	11.360.550.727	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	135	1.281.807.980	(176.525.480)	1.105.282.500	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ					
Doanh thu hoạt động tài chính	22	170.650.706	2.652.557.836	2.823.208.542	(ii)
Thu nhập khác	31	2.690.946.259	(2.652.557.836)	38.388.423	

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Trần Ngọc Hùng**